

Phước Long, ngày 05 tháng 09 năm 2025

THÔNG TIN THUỐC NICORANDIL

Nhóm dược lý: Thuốc giãn mạch, chống đau thắt ngực.

Dạng thuốc: Viên nén 5mg, 10mg, 20mg

1. Về chỉ định: Ngăn ngừa và điều trị lâu dài đau thắt ngực ổn định mạn tính.

2. Liều dùng- cách dùng

Cách dùng: Uống trong hoặc sau bữa ăn, nguyên viên, uống 2 lần/ngày vào buổi sáng và tối.

Liều dùng:

Người lớn: Liều ban đầu uống 10mg x 2 lần/ngày, hoặc 5mg x 2 lần/ngày ở bệnh nhân dễ bị đau đầu sau đó tăng dần theo đáp ứng,

Liều thông thường: 10-20mg x 2 lần/ngày. Tùy theo đáp ứng của từng bệnh nhân, có thể tăng lên 40mg x 2 lần/ngày nếu cần thiết.

Người lớn tuổi không cần điều chỉnh liều nên dùng liều thấp nhất có hiệu quả.

Trẻ em: Không khuyến cáo dùng cho trẻ em và người nhỏ hơn 18 tuổi do chưa có dữ liệu an toàn và hiệu quả.

Người suy gan suy thận: Không cần hiệu chỉnh liều.

3. Chống chỉ định:

Quá mẫn với bất cứ thành phần nào của thuốc

Bệnh nhân bị sốc (bao gồm cả sốc tim) hạ huyết áp nặng, rối loạn chức năng thất trái, mất bù tim.

Sử dụng chất ức chế 5-phosphodiesterase vì có thể dẫn đến hạ huyết áp nghiêm trọng.

Sử dụng chất kích thích guanylate cyclase hòa tan như riociguat vì có thể dẫn đến hạ huyết áp nghiêm trọng.

Bệnh nhân giảm thể tích dịch.

Phù phổi cấp.

Thận trọng

Loét đường tiêu hóa: Khi sử dụng Nicorandil có thể gây loét tại các vị trí khác nhau trong cơ thể. Khi phát hiện loét đường tiêu hóa cần ngưng sử dụng ngay Nicorandil. Khoảng thời gian từ lúc bắt đầu sử dụng Nicorandil đến khởi đầu của viêm loét là ngay khi bắt đầu điều trị cho đến vài năm sau đó.

Xuất huyết tiêu hóa thứ cấp: Bệnh nhân đang sử dụng Nicorandil có sử dụng đồng thời acid acetylsalicylic hoặc các Nsaid có nguy cơ cao bị các biến chứng nặng như xuất huyết tiêu hóa. Vì vậy cần thận trọng khi phối hợp các thuốc trên với nhau.

Thủng đường tiêu hóa khi dùng đồng thời Nicorandil với corticosteroid đã được báo cáo do đó khuyến cáo cần thận trọng khi dùng đồng thời.

Loét ở mắt: Rất hiếm gặp nhưng đã được báo cáo viêm loét giác mạc, kết mạc với Nicorandil. Bệnh nhân phải được thông báo về các dấu hiệu, triệu chứng và giám sát chặt chẽ đối với những vết loét giác mạc. Nếu loét tiến triển phải ngưng sử dụng Nicorandil.

Hạ huyết áp: Cần thận trọng khi phối hợp thuốc Nicorandil với các thuốc có tác dụng hạ huyết áp khác.

Suy tim: Do thiếu dữ liệu nhưng cần thận trọng khi sử dụng Nicorandil trên bệnh nhân suy tim độ III và IV theo phân loại hiệp hội Hoa Kỳ (NHYA).

Tăng kali máu: Tăng kali máu nghiêm trọng đã được báo cáo nhưng rất hiếm gặp. Nên thận trọng khi phối hợp Nicorandil với các thuốc khác có tác dụng làm tăng nồng độ kali máu.

Độ ẩm: Rất nhạy cảm với độ ẩm nên giữ thuốc trong vỉ cho đến khi sử dụng.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ mang thai: Nghiên cứu trên động vật chưa thể hiện tác dụng gây quái thai của Nicorandil, nhưng thuốc chưa được nghiên cứu trong thời kỳ mang thai do đó tránh sử dụng thuốc trong thời kỳ mang thai.

Cho con bú: Không khuyến cáo sử dụng thuốc này cho phụ nữ cho con bú.

4. Tác dụng không mong muốn:

Thường gặp:

Thần kinh: Chóng mặt.

Tim mạch: Tăng nhịp tim khi dùng liều cao.

Mạch máu: Giảm mạch gây đỏ bừng mặt.

Tiêu hóa: Gây nôn, buồn nôn.

Chung toàn cơ thể: Cơ thể cảm thấy yếu, chảy máu trực tràng.

5. Tương tác thuốc:

Nicorandil không được dùng cùng các thuốc ức chế phosphodiesterase typ 5 như sildenafil đều chống chỉ định do tăng rõ nguy cơ giảm huyết áp nghiêm trọng.

Sử dụng đồng thời với chất kích thích guanyl cyclase hòa tan là chống chỉ định vì nó có thể dẫn đến hạ huyết áp nghiêm trọng.

Liều điều trị của Nicorandil có thể làm giảm huyết áp đối với bệnh nhân bị tăng huyết áp. Và tác dụng hạ áp tăng lên khi phối hợp với thuốc có tác dụng hạ áp.

Dapoxetin nên được kê đơn thận trọng ở bệnh nhân đang dùng Nicorandil do có thể làm hạ huyết áp tư thế đứng.

Thùng đường tiêu hóa khi sử dụng đồng thời Nicorandil với corticoid đã được báo cáo, cần dùng thận trọng khi dùng đồng thời.

Ở bệnh nhân dùng Nicorandil cùng với NSAID, acid acetylsalicylic ở liều phòng ngừa bệnh tim mạch và chống viêm có nguy cơ gia tăng biến chứng nặng như loét tiêu hóa, thủng, xuất huyết tiêu hóa.

Cẩn thận khi phối hợp với các thuốc khác có tác dụng làm tăng nồng độ kali.

6. Dược lực học:

Nicorandil là một dẫn xuất nitrat của nicotinamid, có tác dụng giãn mạch. Nicorandil cũng là một thuốc mở kênh kali nên giãn cả các tiểu động mạch và các động mạch vành lớn, đồng thời nhóm nitrat còn gây giãn tĩnh mạch thông qua kích thích guanylate cyclase. Vì thế, thuốc làm giảm cả tiền gánh, hậu gánh và cải thiện lưu lượng máu tưới cho động mạch vành.

7. Dược động học:

Nicorandil hấp thu tốt qua đường tiêu hóa, nồng độ đỉnh trong huyết tương đạt được sau khi uống 30 - 60 phút. Chuyển hóa chủ yếu qua khử nitrat, khoảng 20% liều dùng được thải qua nước tiểu dưới dạng chuyển hóa. Thời gian bán thải khoảng 1 giờ. Tỷ lệ gắn của nicorandil với protein huyết tương thấp.

Nguồn tài liệu:

- Dược thư Quốc Gia 2022 (thuốc Nicorandil).
- Tờ hướng dẫn sử dụng của thuốc Nicorandil.